

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 212/2021/DS-PT
Ngày 30-12-2021
V/v tranh chấp quyền
về lối đi qua

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Minh
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Ngọc Mai
Ông Cao Huy Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Xô – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 170/2021/TLPT-DS ngày 18 tháng 6 năm 2021 về việc “tranh chấp quyền về lối đi qua”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2021/DS-ST ngày 26/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 225/2021/QĐPT-DS ngày 15/11/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị T, sinh năm 1965; địa chỉ: Số 902 Đại lộ Bình Dương, tổ 4, khu phố 1, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Bị đơn:*

+ Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1958; địa chỉ: Số 59 đường ĐX 139, tổ 15, khu phố 2, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

+ Ông Nguyễn Tấn D; sinh năm 1968; địa chỉ: Số 20/15, đường ĐX 139, tổ 15, khu phố 2, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Tấn D: Anh Trần Quốc T, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ 6, ấp 2A, xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Nguyễn Tấn D: Ông Bùi Tiến M, là Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH L; địa chỉ: Số 5, đường N0, khu dân cư P, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1976; địa chỉ: 173 ấp P, xã A, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

+ Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1988;

+ Chị Nguyễn Thanh N1, sinh năm 1990;

+ Chị Nguyễn Thanh N2, sinh năm 2000;

Cùng địa chỉ: Số 20/15, đường ĐX 139, tổ 15, khu phố 2, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Anh T, chị N1, chị N2 có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Bùi Thị T và bị đơn ông Nguyễn Tấn D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung, nguyên đơn bà Bùi Thị T trình bày:

Năm 2017, nguyên đơn bà Bùi Thị T nhận chuyển nhượng đất của ông Đinh Văn T và bà T đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số CS07236 ngày 14/11/2017, thửa 110, tờ bản đồ 20 diện tích 4.473,3m² có thể hiện diện tích đất hành lang bờ rạch trong hồ sơ nhận chuyển nhượng và có lối đi chung rộng khoảng 2,5m, chiều dài khoảng 100m dọc đường bờ rạch giáp đất của ông Nguyễn Tấn D và ông Nguyễn Tấn T. Nay ông T và ông D không cho bà đi qua đường bờ rạch này. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông T và ông D chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật và trả lại lối đi chung đo đạc thực tế diện tích 232,4m² (ngang 2,5m, dài từ đường đê bao đến đất bà T) thuộc 01 phần thửa 394, tờ bản đồ số 21 theo GCNQSDĐ số vào sổ CH 01304 do UBND thị xã T (nay là thành phố T) cấp ngày 09/3/2011 cho ông Nguyễn Tấn D và 01 phần thửa 90, tờ bản đồ số 20 theo GCNQSDĐ số vào sổ H27891 do UBND thị xã T (nay là thành phố T) cấp ngày 24/9/2007 cho ông Nguyễn Tấn T. Mặc dù nguyên đơn có thiện chí thương lượng nhưng bị đơn yêu cầu số tiền thanh toán quá cao nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn tháo dỡ cổng rào tole lưới B40 trả lại lối đi chung theo diện tích đo đạc thực tế 232,4m².

- Bị đơn ông Nguyễn Tấn T trình bày:

Nguồn gốc đất lối đi bà T tranh chấp thuộc 01 phần đất thửa 90, tờ bản đồ số 20 thuộc GCNQSDĐ số vào sổ H27891 diện tích 2.317,6m² do UBND thị xã T (nay là thành phố T) cấp ngày 24/9/2007 cho ông Nguyễn Tấn T có nguồn gốc của ông bà chết để lại, bị đơn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên

không đồng ý theo đơn khởi kiện của nguyên đơn. Nếu bà T có nhu cầu đi qua lối đi này thì phải hỗ trợ tiền cho bị đơn ông T và ông D.

- Bị đơn ông Nguyễn Tấn D và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Nguồn gốc đất lối đi tranh chấp thuộc 01 phần đất thửa 394, tờ bản đồ số 21 theo GCNQSDĐ số vào sổ CH01304 do UBND thị xã T (nay là thành phố T) cấp ngày 09/3/2011 là do ông D tự mở cho ông T là anh ruột đi nhờ. Nguyên đơn bà T có con đường hiện hữu ở phía sau để vào đất của bà T trước khi Nhà nước làm bờ bao đường đất. Do đó, ông D không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì đất đã được cấp GCNQSDĐ và không có đường đi chung trên bản đồ địa chính phường T và trong GCNQSDĐ cũng không thể hiện đường đi chung.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Bà Đ có đất giáp với đất bà T, nguồn gốc đất do bà nhận chuyển nhượng của ông Đinh Văn T vào năm 2017 thuộc thửa đất 99, tờ bản đồ số 20 tọa lạc tại phường T, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS07238 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 14/11/2017 cho bà Nguyễn Thị Đ. Nay ông D và ông T rào lối đi chung gây khó khăn cho bà trong việc ra vào chăm sóc vườn cây. Bà Đ thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của bà T yêu cầu ông D và ông T trả lại lối đi chung chiều ngang khoảng 2,5m dài từ đường đê bao đến đất bà T (từ đất bà Đ đi qua bờ rạch giáp đất bà T, tiếp tục đi qua bờ rạch giáp đất ông T, ông D để ra đường đi chung).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh T, chị Nguyễn Thanh N1, chị Nguyễn Thanh N2 trình bày:

Thống nhất lời trình bày của ông D và người đại diện theo ủy quyền của ông D. Anh T, chị N1 và chị N2 yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại Bản án số 18/2021/DS-ST ngày 26/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố T đã quyết định:

- Căn cứ Điều 26; Điều 35, 39; các Điều 147, 157, 158, 227, 228; Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 245, 246, 254 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 5 Điều 98 Luật Đất đai năm 2013.

- Căn cứ Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị T đối với bị đơn ông Nguyễn Tấn T và ông Nguyễn Tấn D về việc “Tranh chấp quyền về lối đi qua”.

1.1. Buộc bị đơn ông Nguyễn Tấn D tháo dỡ hàng rào tole lưới B40 ngang 2,5m và chặt hạ cây trồng trên đất 04 cây chôm chôm, 01 cây măng cụt, 10 cây chuối, 01 cây dừa, 01 cây mít để trả lại lối đi diện tích 179,5m² đường bờ đất hành lang bờ rạch nằm trong tổng diện tích lối đi tranh chấp 232,4m² theo kết quả đo đạc ngày 19/8/2019 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai T cho bà Bùi Thị T và bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Tấn T (Vị trí I kèm theo sơ đồ bản vẽ).

1.2. Buộc bị đơn ông Nguyễn Tấn T chặt hạ 01 cây dâu giao trả quyền sử dụng đất lối đi chung 52,9m² đường bờ đất hành lang bờ rạch nằm trong tổng diện tích lối đi tranh chấp 232,4m² theo kết quả đo đạc ngày 19/8/2019 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai T cho bà Bùi Thị T và bà Nguyễn Thị Đ, (Vị trí II kèm theo sơ đồ bản vẽ).

1.3. Về nghĩa vụ thanh toán:

+ Bà Bùi Thị T và bà Nguyễn Thị Đ mỗi người có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Tấn T số tiền 40.095.000 đồng (tiền giá trị 52,9m² đất hành lang rạch và 01 cây dâu).

+ Bà Bùi Thị T và bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Tấn T mỗi người có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Tấn D số tiền 93.746.666 đồng (giá trị 179,5m² đất hành lang rạch và 04 cây chôm chôm, 01 cây măng cụt, 10 cây chuối, 01 cây dừa, 01 cây mít, 01 hàng rào bằng tole lưới B40 ngang 2,5m).

1.4. Bà Bùi Thị T và bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Tấn T được sử dụng đăng ký kê khai đối với diện tích đất 232,4m² sau khi thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo của các đương sự; quyền, nghĩa vụ thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/4/2021, nguyên đơn bà Bùi Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết theo hướng xác định lối đi thuộc đất công do Nhà nước quản lý. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà T bồi thường là không thỏa đáng. Ngày 08/4/2021, bị đơn ông Nguyễn Tấn D có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà T vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; bị đơn ông D (do anh Tuấn đại diện) vẫn giữ yêu cầu kháng cáo. Tuy nhiên, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Nguyễn Tấn D: Các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận và sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương:

Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà T, bị đơn ông T, ông D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đ thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận, sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Luật sư, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Kháng cáo của nguyên đơn bà Bùi Thị T, bị đơn ông Nguyễn Tấn D thực hiện trong thời hạn luật định là hợp lệ, nên vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Thanh T, chị Nguyễn Thanh N1, chị Nguyễn Thanh N2 có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Nội dung thỏa thuận của các đương sự như sau:

+ Bà Bùi Thị T, ông Nguyễn Tấn D, ông Nguyễn Tấn T và bà Nguyễn Thị Đ cùng được sử dụng lối đi chung có diện tích 232,4m² theo kết quả đo đạc ngày 19/8/2019 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố T (ký hiệu I và II trong sơ đồ bản vẽ)

+ Bà Bùi Thị T và bà Nguyễn Thị Đ mỗi người có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Tấn T số tiền 40.095.000 đồng (là trị giá thành quả cải tạo 52,9m² đất hành lang rạch và trị giá cây trồng gắn liền với đất hành lang rạch là 01 cây dâu).

+ Bà Bùi Thị T, bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Tấn T mỗi người có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Tấn D số tiền 93.746.666 đồng (là trị giá thành quả cải tạo 179,5m² đất hành lang rạch và trị giá cây trồng gắn liền với đất hành lang rạch gồm 04 cây chôm chôm, 01 cây măng cụt, 10 cây chuối, 01 cây dừa, 01 cây mít, 01 hàng rào bằng tole lưới B40 ngang 2,5m).

+ Ông Nguyễn Tấn D có nghĩa vụ tháo dỡ hàng rào tole + lưới B40 ngang 2,5m và di dời bằng mọi biện pháp cây trồng gắn liền với đất gồm 04 cây chôm chôm, 01 cây măng cụt, 10 cây chuối, 01 cây dừa, 01 cây mít trên diện tích

179,5m² đường bờ đất thuộc hành lang rạch nằm trong tổng diện tích lối đi tranh chấp 232,4m² theo kết quả đo đạc ngày 19/8/2019 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố T (Vị trí I trong sơ đồ bản vẽ).

+ Bị đơn ông Nguyễn Tấn T có nghĩa vụ di dời bằng mọi biện pháp 01 cây dâu gắn liền với quyền sử dụng đất lối đi chung 52,9m² đất hành lang rạch nằm trong tổng diện tích lối đi tranh chấp 232,4m² theo kết quả đo đạc ngày 19/8/2019 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố T (Vị trí II trong sơ đồ bản vẽ).

+ Về chi phí tố tụng (chi phí đo đạc, định giá): Nguyên đơn bà Bùi Thị T tự nguyện chịu toàn bộ.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Bị đơn ông Nguyễn Tấn T là người cao tuổi, nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Nguyễn Tấn D và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là phù hợp quy định của pháp luật và đúng ý chí của các đương sự.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Bùi Thị T, ông Nguyễn Tấn D mỗi người phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 300 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 12 và khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Bùi Thị T và bị đơn ông Nguyễn Tấn D.

2. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2021/DS-ST ngày 26/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự; nội dung thỏa thuận cụ thể như sau:

2.1. Bà Bùi Thị T, ông Nguyễn Tấn D, ông Nguyễn Tấn T và bà Nguyễn Thị Đ cùng được sử dụng lối đi chung có diện tích 232,4m² theo kết quả đo đạc ngày 19/8/2019 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố T (ký hiệu I và II trong sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án).

2.2. Bà Bùi Thị T và bà Nguyễn Thị Đ mỗi người có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Tấn T số tiền 40.095.000 đồng (là trị giá thành quả cải tạo 52,9m² đất hành lang rạch và trị giá cây trồng gắn liền với đất hành lang rạch là 01 cây dâu).

2.3. Bà Bùi Thị T, bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Tấn T mỗi người có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Tấn D số tiền 93.746.666 đồng (là trị giá thành quả cải tạo 179,5m² đất hành lang rạch và trị giá cây trồng gắn liền với đất hành lang rạch gồm 04 cây chôm chôm, 01 cây măng cụt, 10 cây chuối, 01 cây dừa, 01 cây mít và 01 hàng rào bằng tole lưới B40 ngang 2,5m).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2.4. Ông Nguyễn Tấn D có nghĩa vụ tháo dỡ hàng rào tole + lưới B40 ngang 2,5m và di dời bằng mọi biện pháp cây trồng gắn liền với đất gồm 04 cây chôm chôm, 01 cây măng cụt, 10 cây chuối, 01 cây dừa, 01 cây mít trên diện tích 179,5m² đường bờ đất thuộc hành lang rạch nằm trong tổng diện tích lối đi tranh chấp 232,4m² theo kết quả đo đạc ngày 19/8/2019 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố T (Vị trí I trong sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án).

2.5. Bị đơn ông Nguyễn Tấn T có nghĩa vụ di dời bằng mọi biện pháp 01 cây dâu gắn liền với quyền sử dụng đất lối đi chung 52,9m² đất hành lang rạch nằm trong tổng diện tích lối đi tranh chấp 232,4m² theo kết quả đo đạc ngày 19/8/2019 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố T (Vị trí II trong sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án).

2.6. Về chi phí tố tụng (chi phí đo đạc, định giá): Nguyên đơn bà Bùi Thị T tự nguyện chịu số tiền 2.700.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng bà T đã nộp tại Tòa án.

2.7. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Nguyễn Tấn T được miễn án phí dân sự sơ thẩm.
- Bị đơn ông Nguyễn Tấn D phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Nguyên đơn bà Bùi Thị T không phải chịu, hoàn trả lại cho bà T số tiền tạm ứng án phí 1.250.000 đồng theo Biên lai số 0033399 ngày 17/01/2019 và 300.000 đồng theo Biên lai tạm ứng số 0041921 ngày 28/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Bùi Thị T, ông Nguyễn Tấn D mỗi người phải nộp án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng số 0051391 ngày 26/4/2021 và số 0051371 ngày 22/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND TP. T;
- Chi cục THADS TP. T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Văn Minh